

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2009/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2009/TT-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2009/TT-

NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 và Phụ lục Thông tư số 02/2009/TT-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thực hiện việc hỗ trợ lãi suất, bao gồm:

- Ngân hàng thương mại Nhà nước;
- Ngân hàng thương mại cổ phần;

- Ngân hàng liên doanh;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;
- Ngân hàng 100% vốn nước ngoài;
- Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương;
- Công ty tài chính (trừ công ty tài chính chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng và lĩnh vực thẻ theo quy định của pháp luật) thực hiện đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tín dụng dưới 5%. Danh sách các công ty tài chính được tham gia hỗ trợ lãi suất theo Phụ lục 01 Thông tư này.

Các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản này, dưới đây gọi chung là ngân hàng thương mại”.

b) Khoản 3 được bổ sung các điểm c và d như sau:

“c) Các khoản cho vay được thống kê theo phân ngành công nghiệp khai thác mỏ quy định tại Phụ lục 7 Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 143/TCTK-PPCD ngày 22 tháng 12 năm 1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục thống kê về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế cấp II, cấp III và cấp IV.

d) Các khoản cho vay đối với các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để mua vật tư, hàng hóa, trả tiền nhân công và thanh toán các khoản chi phí khác phát sinh ở trong nước để phục vụ cho các phương án sản xuất - kinh doanh ở nước ngoài”.

c) Khoản 4 điểm b sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Các khoản cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam được thống kê theo phân ngành kinh tế tại Phụ lục 7 Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN và Quyết định số 143/TCTK-PPCD:

- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm cả cho vay để đầu tư gián tiếp và trực tiếp ra nước ngoài (trừ các khoản cho vay đối với các tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư này), trả nợ nước ngoài, trả nợ tổ chức tín dụng khác, trả nợ các khoản nợ tại ngân hàng thương mại nơi cho vay;

- Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn;

- Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng; Đảng, đoàn thể; bảo đảm xã hội bắt buộc;

- Giáo dục và đào tạo;

- Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội;

- Hoạt động văn hóa, thể thao bao gồm cả kinh doanh vui chơi, giải trí;

- Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng (bao gồm cả cho vay để đáp ứng các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng);

- Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình;

- Hoạt động của các tổ chức và đoàn thể quốc tế”.

2. Thay thế mẫu 03 và 04 Phụ lục Thông tư số 02/2009/TT-NHNN bằng Phụ lục 02 và 03 Thông tư này.

Điều 2. Áp dụng hiệu lực trở về trước

Các khoản cho vay đã phát sinh từ ngày 01 tháng 02 năm 2009 thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư này có hiệu lực thực hiện mà chưa áp dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất, thì các ngân hàng thương mại thực hiện hỗ

trợ lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh khoản vay.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại, khách hàng vay chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

THÔNG ĐỐC

Nguyễn Văn Giàu

09605118

Phụ lục 01

VỀ CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH THAM GIA THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 333/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NGÀY 10 THÁNG 3 NĂM 2009

1. Công ty tài chính Cao su
2. Công ty tài chính Than và Khoáng sản Việt Nam
3. Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí
4. Công ty tài chính Công nghiệp Tàu thủy
5. Công ty tài chính Handico.

Phụ lục 02

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY THEO
 QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 04/2009/TT-NHNN PHÂN
 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VAY
 THÁNG 2009

Đơn vị: đồng

Chi tiêu	Trong tháng báo cáo				Lũy kế từ ngày 01/02/2009 đến cuối tháng báo cáo	
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I. Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế						
- Nông nghiệp và lâm nghiệp						
- Thủy sản						
- Công nghiệp chế biến						
- Sản xuất và phân phối điện						
- Xây dựng						

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
- Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình						
- Khách sạn và nhà hàng						
- Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc						
- Hoạt động khoa học và công nghệ						
- Công nghiệp khai thác mỏ						
- Ngành, lĩnh vực khác						
II. Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng vay						
- Doanh nghiệp						
- Hợp tác xã						
- Tổ chức khác						
- Hộ gia đình và cá nhân						

09605113

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6694 * www.ThuVienPhapLuat.com

....., ngày..... tháng.... năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN)

TRƯỞNG KIỂM TRA/
KIỂM TOÁN NỘI BỘ

TỔNG GIÁM ĐỐC
(GIÁM ĐỐC)

HƯỚNG DẪN TỔNG HỢP VÀ GỬI BÁO CÁO:

- Báo cáo này ngân hàng thương mại gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo địa chỉ Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132) và chi nhánh ngân hàng thương mại gửi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phân các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế quy định tại Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 143/TCTK-PPCD ngày 22/12/1993 của Tổng cục trưởng Tổng Cục thống kê.

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay).

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định tại Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất và tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán trên tài khoản 3539 theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Công văn số 1183/NHNN-TCKT ngày 23/2/2009.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955; fax: 04-38246953.

Phụ lục 03

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY THEO
 QUYẾT ĐỊNH SỐ 131/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 04/2009/TT-NHNN
 PHÂN THEO 63 TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
 THÁNG..... 2009

Đơn vị: đồng

Tên tỉnh, thành phố	Trong tháng báo cáo				Lũy kế từ ngày 01/02/2009 đến cuối tháng báo cáo	
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số						
Trong đó:						
1. Tỉnh An Giang						
2. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu						
3. Tỉnh Bắc Cạn						
.....						
.....						
63. Tỉnh Yên Bái						

....., ngày.... tháng..... năm.....

KÊ TOÁN TRƯỞNG TRƯỞNG KIỂM TRA/ TỔNG GIÁM ĐỐC
 (TRƯỞNG PHÒNG KÊ TOÁN) KIỂM TOÁN NỘI BỘ (GIÁM ĐỐC)

HƯỚNG DẪN TỔNG HỢP VÀ GỬI BÁO CÁO:

- Phân các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (xếp theo thứ tự bảng chữ cái).

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay).

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định tại Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất và tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán trên tài khoản 3539 theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Công văn số 1183/NHNN-TCKT ngày 23/02/2009.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955; fax:04-38246953.